TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 183/2024/QĐST-KDTM	*Quận 1, ngày 08 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2024/TLST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần I

Địa chỉ: Lô A đường số B, Khu công nghiệp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Trương Bảo Ch, trú tại: Số A1 đường B1, Phường C1, quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 14/2024/GUQ-I ngày 21/3/2024).

Bị đơn: Công ty Cổ phần A2

Địa chỉ: Số X đường Y, phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Bà Phạm Thị Th, trú tại: Số X đường Y, phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần A2 xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần I số tiền nợ gốc là 2.907.429.841đ (Hai tỉ chín trăm lẻ bảy triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi mốt đồng) theo Hợp đồng thương mại số: AAH/18/HDTP.273-06 ngày 08/3/2018 và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/7/2024 là: 800.671.868đ (Tám trăm triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng). Tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/7/2024 là: 3.708.101.709đ (Ba tỉ bảy trăm lẻ tám triệu một trăm lẻ một nghìn bảy trăm lẻ chín đồng).

- Công ty Cổ phần A2 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần I số tiền nợ gốc là 2.907.429.841đ (Hai tỉ chín trăm lẻ bảy triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi mốt đồng), hạn cuối thanh toán là ngày 31/10/2024.

Trường hợp Công ty Cổ phần A2 thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc đúng hạn thì Công ty Cổ phần I miễn toàn bộ lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần A2.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (từ ngày 01/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty Cổ phần A2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc đúng kỳ hạn thỏa thuận nêu trên, thì Công ty Cổ phần A2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng thương mại số: AAH/18/HDTP.273-06 ngày 08/3/2018 cho đến khi thanh toán xong.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm hòa giải thành 45.074.298đ (Bốn mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi tám đồng) Công ty Cổ phần A2 phải chịu. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần I số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.499.531đ (Năm mươi hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm ba mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P số: 0038478 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tĩnh